

GIẢI TRÌNH THAY ĐỔI LỢI NHUẬN BÁO CÁO QUÝ 2/2024 SO VỚI CÙNG KỲ

Kính gửi: Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước

Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU Á CHÂU AIG**
Tên tiếng Anh: **AIG ASIA INGREDIENTS CORPORATION**
Địa chỉ trụ sở chính: **Lô TH-1B, Đường số 7, Khu Thương Mại Nam, Khu chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**
Điện thoại: **028 5416 1386**
Website: **www.asiagroup-vn.com**
Người thực hiện CBTT: **Ông Phạm Trung Lâm**
Chức danh: **Người đại diện theo pháp luật**
Loại thông tin công bố:
 Định kỳ Bất thường Theo yêu cầu



Nội dung thông tin công bố:

Ngày 19/07/2024, CÔNG TY CỔ PHẦN NGUYÊN LIỆU Á CHÂU AIG (“Công ty”) nộp Báo cáo tài chính riêng Quý 2/2024 chưa được kiểm toán (“Báo cáo”) ký ngày 19/07/2024. Biến động một số chỉ tiêu khiến Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của 06 tháng 2024 thay đổi từ 10% trở lên so với 06 tháng 2023 là như sau:

VND				
Mã số	Chỉ tiêu	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2023	% Tăng/(Giảm)
10	3. Doanh thu thuần	10.228.831.696	-	100%
11	4. Giá vốn hàng bán	(5.376.780.109)	-	100%
20	5. Lợi nhuận gộp	4.852.051.587	-	100%
21	Doanh thu hoạt động tài chính	232.595.156.506	77.272.519.897	201,01%
22	7. Chi phí tài chính	(4.836.260.274)	-	100%
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	(20.396.813.614)	(12.511.807.017)	63%
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	212.214.134.205	64.760.712.880	228%
31	12. Thu nhập khác	20.664	-	100,00%
32	13. Chi phí khác	(20.003.340)	(108.528.491)	-81,57%
40	14. Lợi nhuận khác	(19.982.676)	(108.528.491)	-82%

Mã số	Chỉ tiêu	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2023	% Tăng/(Giảm)
50	15. Lợi nhuận thuần trước thuế	212.194.151.529	64.652.184.389	228,21%
60	18. Lợi nhuận sau thuế	212.194.151.529	64.652.184.389	228,21%

Một số nguyên nhân:

- Mã số 20: Tại ngày 29/12/2023, công ty nhận chuyển nhượng Tòa nhà AIG từ công ty thành viên, vì vậy bắt đầu từ tháng 1/2024, Công ty có phát sinh doanh thu cho thuê tòa nhà và chi phí vận hành.
- Mã số 21: Doanh thu từ hoạt động tài chính tăng 201,1% so với cùng kỳ. Chủ yếu là do nhận cổ tức từ các công ty thành viên.
- Mã số 22: Công ty phát sinh lãi vay từ các công ty thành viên cho hoạt động đầu tư.
- Mã số 26: Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 63% so với cùng kỳ. Nguyên nhân do trong kỳ công ty thực hiện tái cơ cấu quản lý và phát sinh thêm các chi phí vận hành tòa nhà AIG.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

TP. Hồ Chí Minh, Ngày 19 tháng 07 năm 2024
 Người đại diện theo pháp luật/ Người được
 ủy quyền thực hiện công bố thông tin
 (chữ ký, họ tên và đóng dấu)



Phạm Trung Lâm



Công ty Cổ phần Nguyên Liệu Á Châu AIG

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán đến cuối Quý II năm 2024

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Bảng cân đối kế toán riêng	1-2
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	3
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	4-5
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	6 - 28

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 30 tháng 06 năm 2024

VND

Mã số	TÀI SẢN	TM	Ngày 30/06/2024	Ngày 31/12/2023
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		346.417.755.975	204.607.219.117
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	41.745.248.527	30.500.208.297
111	▪ Tiền		39.745.248.527	1.001.183.244
112	▪ Các khoản tương đương tiền		2.000.000.000	29.499.025.053
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		279.782.937.152	160.890.338.455
131	▪ Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	116.620.351	11.917.859.535
132	▪ Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	2.713.941	57.221.603.730
136	▪ Phải thu ngắn hạn khác	6	279.663.602.860	91.750.875.190
140	IV. Hàng tồn kho		15.382.669	-
141	▪ Hàng tồn kho		15.382.669	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		24.874.187.627	13.216.672.365
151	▪ Chi phí trả trước ngắn hạn	11	799.697.103	535.305.732
152	▪ Thuế GTGT được khấu trừ		24.067.850.524	12.674.726.633
153	▪ Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	6.640.000	6.640.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		3.155.887.329.703	2.609.498.188.604
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		28.000.000	28.000.000
216	▪ Phải thu dài hạn khác	6	28.000.000	28.000.000
220	II. Tài sản cố định		2.712.354.556	1.413.999.642
221	▪ Tài sản cố định hữu hình	7	2.257.142.891	929.831.311
222	- Nguyên giá		3.585.439.545	1.987.404.545
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.328.296.654)	(1.057.573.234)
227	▪ Tài sản cố định vô hình	8	455.211.665	484.168.331
228	- Nguyên giá		505.800.000	505.800.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(50.588.335)	(21.631.669)
230	III. Bất động sản đầu tư	9	107.379.615.418	110.000.000.000
231	▪ Nguyên giá		110.500.000.000	110.000.000.000
232	▪ Giá trị hao mòn lũy kế		(3.120.384.582)	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		1.160.129.018	344.166.667
242	▪ Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1.160.129.018	344.166.667
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	10	2.907.252.355.903	2.475.933.817.844
251	▪ Đầu tư vào công ty con	10.1	2.710.500.344.316	2.481.118.024.316
252	▪ Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	10.2	201.936.218.059	-
254	▪ Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	10	(5.184.206.472)	(5.184.206.472)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		137.354.874.808	21.778.204.451
261	▪ Chi phí trả trước dài hạn	11	137.354.874.808	21.778.204.451
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		3.502.305.085.678	2.814.105.407.721

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 30 tháng 06 năm 2024

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	TM	Ngày 30/06/2024	Ngày 31/12/2023
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		632.085.851.348	156.080.324.920
310	I. Nợ ngắn hạn		632.085.851.348	156.080.324.920
311	▪ Phải trả cho người bán ngắn hạn	12	1.049.692.387	137.999.642.031
313	▪ Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	13	811.462.993	410.145.347
315	▪ Chi phí phải trả ngắn hạn	14	6.116.346.762	3.554.085.747
318	▪ Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		7.000.000	-
319	▪ Phải trả ngắn hạn khác		1.055.050	16.157.639
320	▪ Vay ngắn hạn	15	610.000.000.000	-
322	▪ Quỹ khen thưởng và phúc lợi		14.100.294.156	14.100.294.156
330	II. Nợ dài hạn		-	-
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.870.219.234.330	2.658.025.082.801
410	I. Vốn chủ sở hữu		2.870.219.234.330	2.658.025.082.801
411	▪ Vốn đầu tư của chủ sở hữu	16.1	1.706.012.980.000	1.706.012.980.000
412	▪ Thặng dư vốn cổ phần	16.1	174.000.000.000	174.000.000.000
421	▪ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	16.1	990.206.254.330	778.012.102.801
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		778.012.102.801	668.497.766.697
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		212.194.151.529	109.514.336.104
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		3.502.305.085.678	2.814.105.407.721



Vũ Minh Đức
Người lập



Nguyễn Thảo
Kế toán trưởng



Phạm Trung Lâm
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 07 năm 2024

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu	17.1	5.151.062.363	-	10.228.831.696	-
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu					
10	3. Doanh thu thuần	17.1	5.151.062.363	-	10.228.831.696	-
11	4. Giá vốn hàng bán	18	(2.739.769.543)	-	(5.376.780.109)	-
20	5. Lợi nhuận gộp		2.411.292.820	-	4.852.051.587	-
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	17.2	232.544.272.418	76.585.452.504	232.595.156.506	77.272.519.897
22	7. Chi phí tài chính	19	(4.583.643.835)	-	(4.836.260.274)	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	(10.454.258.890)	(6.493.911.120)	(20.396.813.614)	(12.511.807.017)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		219.917.662.513	70.091.541.384	212.214.134.205	64.760.712.880
31	11. Thu nhập khác		864	-	20.664	-
32	12. Chi phí khác		(3.340)	(35.146)	(20.003.340)	(108.528.491)

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
40	13. Lợi nhuận khác		(2.476)	(35.146)	(19.982.676)	(108.528.491)
50	14. Lợi nhuận thuần trước thuế		219.917.660.037	70.091.506.238	212.194.151.529	64.652.184.389
60	17. Lợi nhuận sau thuế		219.917.660.037	70.091.506.238	212.194.151.529	64.652.184.389



Vũ Minh Đức
Người lập

Ngày 19 tháng 07 năm 2024



Nguyễn Thảo
Kế toán trưởng



Phạm Trung Lâm
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

VND

Mã số	Chỉ tiêu	TM	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2023
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		212.194.151.529	64.652.184.389
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	▪ Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	7;8;9	3.420.064.668	167.586.744
05	▪ (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	17.2	(232.595.156.506)	(77.272.519.897)
06	▪ Chi phí lãi vay	19	4.836.260.274	-
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(12.144.680.035)	(12.452.748.764)
09	▪ (Tăng)/giảm các khoản phải thu		27.600.431.410	16.869.776.254
10	▪ (Tăng)/giảm hàng tồn kho		(15.382.669)	-
11	▪ Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		(139.137.498.199)	(1.974.402.699)
12	▪ (Tăng)/giảm chi phí trả trước		(115.841.061.728)	(3.204.492.465)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(239.538.191.221)	(761.867.674)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	▪ Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác		(2.882.632.998)	-
25	▪ Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		(561.043.138.059)	(54.700.000.000)
26	▪ Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		130.000.000.000	-
27	▪ Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		74.709.002.508	34.252.860.846
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(359.216.768.549)	(20.447.139.154)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

VND

Mã số	Chi tiêu	TM	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2023
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	▪ Tiền thu từ đi vay	15	620.000.000.000	-
34	▪ Tiền chi trả nợ gốc vay		(10.000.000.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		610.000.000.000	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		11.245.040.230	(21.209.006.828)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	4	30.500.208.297	32.516.987.075
61	▪ Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	41.745.248.527	11.307.980.247

Vũ Minh Đức
Người lập

Nguyễn Thảo
Kế toán trưởng



Phạm Trung Lâm
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 07 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 0314524981 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19 tháng 7 năm 2017 và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Hoạt động chính theo đăng ký của Công ty là hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật), dịch vụ kho bãi, sản xuất, phối trộn nguyên liệu thực phẩm, phụ gia thực phẩm.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Lô TH-1B, Đường số 7, Khu Thương mại Nam, Khu Chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là 48 (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 43).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 Công ty có mười (10) công ty con trực tiếp, hai (2) công ty con gián tiếp, một (1) công ty liên doanh gián tiếp, một (1) công ty liên kết trực tiếp và hai (2) công ty liên kết gián tiếp, trong đó:

Công ty con bao gồm:

▶ **Công ty Cổ phần Hóa chất Á Châu (“ACC”)**

ACC là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0304918352 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 4 năm 2007 và các GCNĐKKD, GCNĐKDN điều chỉnh. ACC có trụ sở chính đăng ký tại Lô K4B, Khu Công nghiệp Lê Minh Xuân, Đường số 4, Xã Lê Minh Xuân, Huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của ACC là cung cấp sản phẩm và dịch vụ cho nhiều ngành công nghiệp bao gồm thực phẩm và nước giải khát, sản phẩm từ sữa, thủy sản, dược phẩm và bánh kẹo.

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2024, Công ty nắm 96,34% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong ACC (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 96,34% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

▶ **Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn (“AFI”)**

AFI là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 3700916876 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương cấp ngày 7 tháng 5 năm 2008 và các GCNĐKKD, GCNĐKDN điều chỉnh. AFI có trụ sở chính đăng ký tại Lô C-9E-CN, Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Phường Thới Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký hiện tại của AFI là sản xuất thực phẩm, các sản phẩm kem béo thực vật và các loại nguyên liệu thực phẩm khác.

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2024, Công ty nắm 64,01% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong AFI (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 64,01% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

▶ **Công ty Cổ phần Chế biến Dừa Á Châu (“ACP”)**

ACP là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 1300975859 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bến Tre cấp ngày 19 tháng 12 năm 2014 và các GCNĐKDN điều chỉnh. ACP có trụ sở chính đăng ký tại Lô EI-2, EI-3, EI-4, Khu Công nghiệp Giao Long - Giai đoạn II, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký hiện tại của ACP là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm từ dừa (cơm dừa sấy khô, bột sữa dừa, sữa dừa, nước cốt dừa đông lạnh, thạch dừa và dầu dừa) phục vụ cho thị trường trong nước và xuất khẩu.

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2024, Công ty nắm 73,42% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong ACP (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 73,42% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 Công ty có mười (10) công ty con trực tiếp, hai (2) công ty con gián tiếp, một (1) công ty liên doanh gián tiếp, một (1) công ty liên kết trực tiếp và hai (2) công ty liên kết gián tiếp, trong đó: (tiếp theo)

Công ty con bao gồm: (tiếp theo)

▶ ***Công ty Cổ phần APIS ("APIS")***

APIS là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0312705358 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương cấp ngày 25 tháng 3 năm 2014 và các GCNĐKDN điều chỉnh. APIS có trụ sở chính đăng ký tại Số 18A-18B VSIP II-A, Đường số 27, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II-A, Phường Vĩnh Tân, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký hiện tại của APIS là sản xuất, kinh doanh nguyên liệu thực phẩm, thực phẩm chức năng và tinh dầu.

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2024, Công ty nắm 76,96% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong APIS (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 76,96% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

▶ ***Công ty Cổ phần Á Châu Hoa Sơn ("AHS")***

AHS trước đây là Công ty TNHH Chế Biến Nông Sản Hoa Sơn được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 2901627664 do Sở KH&ĐT Tỉnh Nghệ An cấp ngày 23 tháng 5 năm 2013, và các GCNĐKKD, GCNĐKDN điều chỉnh. Công ty được đổi tên theo GCNĐKDN điều chỉnh số 2901627664 do Sở KH&ĐT Tỉnh Nghệ An cấp ngày 13 tháng 12 năm 2018. AHS có trụ sở chính tại Xóm 12, Xã Hoa Sơn, Huyện Anh Sơn, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của AHS là sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; sản xuất đường, thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản.

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2024, Công ty nắm giữ 99,995% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong AHS (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 67,00% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

▶ ***Công ty TNHH Thực phẩm AFC ("AFC")***

AFC là một công ty công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 3702533540 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương cấp ngày 10 tháng 2 năm 2017 và các GCNĐKDN điều chỉnh. AFC có trụ sở chính đăng ký tại Lô C-9F-CN, Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Phường Thới Hòa, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính theo đăng ký của AFC là sản xuất và kinh doanh thực phẩm.

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2024, Công ty nắm 100% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong AFC (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 100% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

▶ ***Công ty Cổ phần Thương mại VICTA ("VICTA")***

VICTA trước đây là Công ty Cổ phần Hóa chất Công nghiệp Á Châu ("AIC") được thành lập theo luật doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0313428499 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 9 năm 2015 và các GCNĐKDN điều chỉnh. Công ty được đổi tên theo GCNĐKDN điều chỉnh số 0313428499 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06 tháng 04 năm 2023. VICTA có trụ sở chính đăng ký tại Lô TH-1B, Đường số 7, Khu Thương mại Nam, Khu Chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký hiện tại của VICTA là bán buôn hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp, bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản, cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở.

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2024, Công ty nắm giữ 99,98% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong VICTA (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 99,98% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 Công ty có mười (10) công ty con trực tiếp, hai (2) công ty con gián tiếp, một (1) công ty liên doanh gián tiếp, một (1) công ty liên kết trực tiếp và hai (2) công ty liên kết gián tiếp, trong đó: (tiếp theo)

Công ty con bao gồm: (tiếp theo)

▶ ***Công ty Cổ phần Công nghệ Nông sản Á Châu ("ATC")***

ATC là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 3502478571 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 13 tháng 6 năm 2022. ATC có trụ sở chính tại: Lô L, Đường Đ.20, KCN Châu Đức, Thôn Hữu Phước, Xã Suối Nghệ, Huyện Châu Đức, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của ATC là sản xuất, gia công và bán buôn cà phê.

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2024, Công ty nắm giữ 99,5% phần vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết trong ATC (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 99,5% tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết).

▶ ***Công ty Asia Chemical Corporation (ACC) Pte. Ltd ("ACC PTE")***

ACC PTE là một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập tại Singapore theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 201756070K do Cơ quan Kế toán và Doanh nghiệp Singapore cấp ngày 15 tháng 12 năm 2017. ACC PTE có trụ sở chính đăng ký tại 160 Robinson Rd, #26-04 SBF Center, Singapore 068914. Hoạt động chính theo đăng ký của ACC PTE là tư vấn doanh nghiệp và quản lý; kinh doanh buôn bán chung (bao gồm xuất nhập khẩu chung).

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2024, Công ty nắm giữ 96,34% tỷ lệ sở hữu và 100% quyền biểu quyết trong ACC PTE (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 96,34% tỷ lệ sở hữu và 100% quyền biểu quyết).

▶ ***Công ty TNHH Á Châu Healthcare ("AHC")***

AHC trước đây là Công ty TNHH Pierre Fabre Việt Nam được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKKD số 3600246593 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 23 tháng 10 năm 1995 và theo các GCNĐKKD, GCNĐKDN điều chỉnh. Công ty được đổi tên theo GCNĐKDN điều chỉnh số 3600246593 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 20 tháng 08 năm 2020. AHC có trụ sở chính tại Số 01, đường 4A, Khu Công nghiệp Biên Hòa 2, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của AHC là sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu.

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2024, Công ty nắm giữ 91,52% tỷ lệ sở hữu và 95,00% quyền biểu quyết trong AHC (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 91,52% tỷ lệ sở hữu và 95,00% quyền biểu quyết).

▶ ***Công ty Cổ phần Mekong Delta Gourmet ("MDG")***

MDG là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 1102039618 do Sở KH&ĐT Tỉnh Long An cấp ngày 26 tháng 09 năm 2023. MDG có trụ sở chính tại Lô C2, Đường Dọc 2, KCN Phú An Thạnh, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của MDG là chế biến và bảo quản rau quả.

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2024, Công ty nắm giữ 93,89% phần vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết trong MDG.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 Công ty có mười (10) công ty con trực tiếp, hai (2) công ty con gián tiếp, một (1) công ty liên doanh gián tiếp, một (1) công ty liên kết trực tiếp và hai (2) công ty liên kết gián tiếp, trong đó: (tiếp theo)

Công ty con bao gồm: (tiếp theo)

▶ **Công ty Cổ phần Asia Specialty Ingredients ("ASI")**

ASI là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 0901155640 do Sở KH&ĐT Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 29 tháng 02 năm 2024. ASI có trụ sở chính tại Thôn Chi Long, Xã Ngọc Long, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của ASI là sản xuất hương liệu.

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2024, Công ty nắm giữ 83% phần vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết trong ASI.

Công ty liên doanh:

▶ **Công ty Cổ phần Sinh Phẩm Nature ACH ("Nature ACH")**

Nature ACH là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKDN số 0316794581 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 4 năm 2022. Nature ACH có trụ sở chính tại Số 19, Đường 18, Khu phố 3, Phường Linh Chiểu, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của Nature ACH là sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu.

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2024, Công ty nắm giữ 30% phần vốn chủ sở hữu trong Nature ACH (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 30% tỷ lệ sở hữu) thông qua các công ty con.

Công ty liên kết:

▶ **Công ty Cổ phần Tảo Vĩnh Hảo ("TVH")**

TVH là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKKD số 3400516059 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận cấp ngày 04 tháng 02 năm 2008 và các GCNĐKKD, GCNĐKDN điều chỉnh. TVH có trụ sở chính tại Thôn Vĩnh Sơn, Xã Vĩnh Hảo, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của TVH là sản xuất tảo Spirulina, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm, xà phòng, thức ăn gia súc gia cầm và thủy sản.

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2024, Công ty nắm giữ 49% phần vốn chủ sở hữu trong TVH (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 49% tỷ lệ sở hữu) thông qua công ty con.

▶ **Công ty Cổ phần Công Nghiệp Lạnh Á Châu ("ACI")**

ACI là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKDN số 1101880095 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp ngày 16 tháng 4 năm 2018 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh. ACI có trụ sở chính tại Lô 3C-6, Đường số 12, KCN Long Hậu 3, Xã Long Hậu, Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của ACI là vận tải hàng hóa bằng đường bộ, kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2024, Công ty nắm giữ 40,55% phần vốn chủ sở hữu trong ACI (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 40% tỷ lệ sở hữu) thông qua các công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 Công ty có mười (10) công ty con trực tiếp, hai (2) công ty con gián tiếp, một (1) công ty liên doanh gián tiếp, một (1) công ty liên kết trực tiếp và hai (2) công ty liên kết gián tiếp, trong đó: (tiếp theo)

Công ty liên kết: (tiếp theo)

▶ ***Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C ("GCF")***

GCF là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo GCNĐKKD số 3602503768 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 31 tháng 05 năm 2011 và các GCNĐKKD, GCNĐKDN điều chỉnh. GCF có trụ sở chính tại Lô V-2E, Đường số 11, KCN Hồ Nai, Xã Hồ Nai 3, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Hoạt động chính theo đăng ký của GCF là bán buôn thực phẩm.

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2024, Công ty nắm giữ 28,07% phần vốn chủ sở hữu trong GCF.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và thuyết minh số 7. Công ty đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Kỳ kế toán năm đầu tiên bắt đầu từ ngày 19 tháng 7 năm 2017 (ngày thành lập) đến ngày 31 tháng 12 năm 2017.

2.5 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá chín tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình khi Tập đoàn nắm giữ đất này để sử dụng trong sản xuất, kinh doanh cung cấp dịch vụ hoặc cho các đối tượng khác thuê và Tập đoàn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng. Quyền sử dụng đất với thời gian sử dụng không thời hạn thì không khấu hao.

Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

3.5 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	18 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	5 năm
Tài sản khác	6 - 10 năm

3.6 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	18 năm
--------------------------	--------

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN

	VND	
	Ngày 30/06/2024	Ngày 31/12/2023
Tiền mặt	59.298.455	16.576.000
Tiền gửi ngân hàng	39.685.950.072	984.607.244
Các khoản tương đương tiền	2.000.000.000	29.499.025.053
Tổng cộng	<u>41.745.248.527</u>	<u>30.500.208.297</u>

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	VND	
	Ngày 30/06/2024	Ngày 31/12/2023
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh 22)	116.620.351	11.917.859.535
Tổng cộng	<u>116.620.351</u>	<u>11.917.859.535</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	-
GIÁ TRỊ THUẬN	<u>116.620.351</u>	<u>11.917.859.535</u>

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Ngày 30/06/2024	Ngày 31/12/2023
Trả trước cho các công ty khác	2.713.941	57.221.603.730
<i>Công ty Cổ phần Phát triển Khu công Nghiệp</i>	-	57.154.416.040
<i>Viglacera Yên Mỹ</i>	-	-
<i>Các công ty khác</i>	2.713.941	67.187.690
Tổng cộng	<u>2.713.941</u>	<u>57.221.603.730</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

6. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Ngày 30/06/2024	Ngày 31/12/2023
Ngắn hạn		
Lãi tiền gửi ngân hàng, trái phiếu, cho vay	1.994.521	29.968.523
Tạm ứng cho nhân viên	5.864.465.762	3.034.549.000
Phải thu cổ tức công ty con (Thuyết minh 22)	221.514.324.000	63.600.196.000
Đặt cọc	387.085.286	23.400.766.416
Phải thu ngắn hạn khác	51.895.733.291	1.685.395.251
Tổng cộng	279.663.602.860	91.750.875.190
Dài hạn		
Đặt cọc	28.000.000	28.000.000
Tổng cộng	28.000.000	28.000.000
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu các bên khác</i>	<i>58.177.278.860</i>	<i>28.178.679.190</i>
<i>Phải thu bên liên quan (Thuyết minh 22)</i>	<i>221.514.324.000</i>	<i>63.600.196.000</i>

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

				VND
	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	-	1.901.040.909	86.363.636	1.987.404.545
Mua trong năm	1.598.035.000	-	-	1.598.035.000
Vào ngày 30 tháng 06 năm 2024	<u>1.598.035.000</u>	<u>1.901.040.909</u>	<u>86.363.636</u>	<u>3.585.439.545</u>
Giá trị khấu hao lũy kế				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	-	1.056.133.840	1.439.394	1.057.573.234
Khấu hao	103.666.980	158.420.076	8.636.364	270.723.420
Vào ngày 30 tháng 06 năm 2024	<u>103.666.980</u>	<u>1.214.553.916</u>	<u>10.075.758</u>	<u>1.328.296.654</u>
Giá trị còn lại				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	-	844.907.069	84.924.242	929.831.311
Vào ngày 30 tháng 06 năm 2024	<u>1.494.368.020</u>	<u>686.486.993</u>	<u>76.287.878</u>	<u>2.257.142.891</u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Nhãn hiệu, tên thương mại	TSCĐ Khác	VND Tổng cộng
Nguyên giá			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	395.800.000	110.000.000	505.800.000
Vào ngày 30 tháng 06 năm 2024	395.800.000	110.000.000	505.800.000
Giá trị khấu hao lũy kế			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	3.298.333	18.333.336	21.631.669
Khấu hao	19.789.998	9.166.668	28.956.666
Vào ngày 30 tháng 06 năm 2024	23.088.331	27.500.004	50.588.335
Giá trị còn lại			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	392.501.667	91.666.664	484.168.331
Vào ngày 30 tháng 06 năm 2024	372.711.669	82.499.996	455.211.665

9. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	VND Nhà cửa, vật kiến trúc
Nguyên giá	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	110.000.000.000
Mua trong năm	500.000.000
Vào ngày 30 tháng 06 năm 2024	110.500.000.000
Giá trị khấu hao lũy kế	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	-
Khấu hao	3.120.384.582
Vào ngày 30 tháng 06 năm 2024	3.120.384.582
Giá trị còn lại	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	110.000.000.000
Vào ngày 30 tháng 06 năm 2024	107.379.615.418

10. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Ngày 30/06/2024	Ngày 31/12/2023
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh 10.1)	2.710.500.344.316	2.481.118.024.316
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh 10.2)	201.936.218.059	-
Tổng cộng	2.912.436.562.375	2.481.118.024.316
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	(5.184.206.472)	(5.184.206.472)
Giá trị thuần	2.907.252.355.903	2.475.933.817.844

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

10. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

10.1 Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

Công ty	Hoạt động chính	Tình trạng	Ngày 30 tháng 06 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
			Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VND)
Công ty Cổ phần Hoá chất Á Châu	Cung cấp sản phẩm và dịch vụ cho nhiều ngành công nghiệp bao gồm thực phẩm và nước giải khát, sản phẩm từ sữa, thủy sản, dược phẩm, thức ăn chăn nuôi và bánh kẹo	Đang hoạt động	96,34%	718.020.621.828	96,34%	718.020.621.828
Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn	Sản xuất thực phẩm, các sản phẩm kem béo thực vật và các loại nguyên liệu thực phẩm khác	Đang hoạt động	64,01%	503.512.000.000	64,01%	503.512.000.000
Công ty Cổ phần Chế biến Dừa Á Châu	Sản xuất kinh doanh các sản phẩm từ dừa (cơm dừa sấy khô, bột sữa dừa, sữa dừa, nước cốt dừa đông lạnh, thạch dừa và dầu dừa)	Đang hoạt động	73,42%	324.513.000.000	73,42%	324.513.000.000
Công ty Cổ phần Apis	Sản xuất kinh doanh nguyên liệu thực phẩm, thực phẩm chức năng và tinh dầu	Đang hoạt động	76,96%	128.067.500.000	76,96%	128.067.500.000
Công ty TNHH Thực Phẩm AFC	Sản xuất và kinh doanh thực phẩm	Chưa hoạt động	100,00%	37.900.000.000	100,00%	37.900.000.000
Công ty Cổ phần Á Châu Hoa Sơn	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; sản xuất đường, thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản...	Đang hoạt động	99,995%	450.205.902.488	67,00%	211.205.902.488
Công ty Cổ phần Thương mại VICTA	Bán buôn hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp, bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản	Đang hoạt động	99,98%	228.931.320.000	99,98%	358.899.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Nông sản Á Châu	Sản xuất, gia công và bán buôn cà phê	Đang hoạt động	99,50%	199.000.000.000	99,50%	199.000.000.000
Công ty Cổ phần Mekong Delta Gourmet	Chế biến và bảo quản rau quả	Đang hoạt động	93,89%	83.000.000.000		
Công ty Cổ phần Asia Specialty Ingredients	Sản xuất hương liệu	Đang hoạt động	83,00%	37.350.000.000		
TỔNG CỘNG				2.710.500.344.316		2.481.118.024.316
Dự phòng đầu tư vào công ty con				(5.184.206.472)		(5.184.206.472)
ĐẦU TƯ THUẬN				2.705.316.137.844		2.475.933.817.844

Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

10. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

10.2 Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

Công ty	Hoạt động chính	Tình trạng	Ngày 30 tháng 06 năm 2024		Ngày 31 tháng 12 năm 2023	
			Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VND)
Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C	Bán buôn thực phẩm	Đang hoạt động	28,07%	201.936.218.059	-	-
TỔNG CỘNG				201.936.218.059		
Dự phòng đầu tư vào công ty liên kết				-		-
ĐẦU TƯ THUẬN				201.936.218.059		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Ngày 30/06/2024	Ngày 31/12/2023
Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ	13.480.857	1.878.787
Chi phí bảo hiểm	175.827.966	13.747.481
Chi phí phần mềm	277.240.800	466.204.800
Chi phí khác	333.147.480	53.474.664
Tổng Cộng	799.697.103	535.305.732
Dài hạn		
Tiền thuê đất trả trước	128.874.531.090	15.000.000.000
Công cụ dụng cụ	789.181.012	379.740.359
Chi phí cải tạo văn phòng, nhà xưởng	3.851.050.335	3.714.568.733
Chi phí khác	3.840.112.371	2.683.895.359
Tổng Cộng	137.354.874.808	21.778.204.451

12. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30/06/2024	Ngày 31/12/2023
Phải trả các công ty khác	1.045.012.186	499.642.031
<i>Trong đó:</i>		
<i>Công ty TNHH CBRE (Việt Nam)</i>	391.587.761	-
<i>Chi nhánh Công ty TNHH Thuế và Tư vấn KPMG</i>	275.400.000	-
<i>Công ty TNHH Manpower Việt Nam</i>	120.751.330	-
<i>Khác</i>	257.273.095	499.642.031
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh 22)	4.680.201	137.500.000.000
Tổng cộng	1.049.692.387	137.999.642.031

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Ngày 31/12/2023	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30/06/2024
Phải nộp				
Thuế GTGT	(240.000)	-	-	(240.000)
Thuế thu nhập cá nhân	403.745.347	2.254.138.499	(1.852.820.853)	805.062.993
Thuế môn bài	-	4.000.000	(4.000.000)	-
Khác	-	500.000.000	(500.000.000)	-
Tổng cộng	403.505.347	2.758.138.499	(2.356.820.853)	804.822.993
Trong đó				
<i>Thuế phải trả</i>	410.145.347			811.462.993
<i>Thuế phải thu nhà nước</i>	(6.640.000)			(6.640.000)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30/06/2024	Ngày 31/12/2023
Lương mềm và lương tháng 13	928.792.501	3.361.798.500
Chi phí lãi vay bên liên quan (Thuyết minh 22)	3.060.917.808	-
Chi phí lãi vay khác	1.775.342.466	-
Khác	351.293.987	192.287.247
Tổng cộng	6.116.346.762	3.554.085.747

15. VAY NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30/06/2024	Ngày 31/12/2023
Vay ngắn hạn		
Vay ngân hàng, cá nhân (Thuyết minh số 15.1)	100.000.000.000	-
Vay bên liên quan (Thuyết minh số 15.2)	510.000.000.000	-
	610.000.000.000	-

15.1 Các khoản vay ngân hàng, cá nhân ngắn hạn

Ngân hàng/cá nhân	Ngày 30/06/2024 VND	Kỳ hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Lê Nguyễn Đoàn Duy	100.000.000.000	Từ ngày 02 tháng 05 năm 2024	10,8%	Tín chấp
Tổng cộng	100.000.000.000			

15.2 Các khoản vay ngắn hạn bên liên quan

Ngân hàng/cá nhân	Ngày 30/06/2024 VND	Kỳ hạn	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Công Ty Cổ Phần Á Châu Hoa Sơn	80.000.000.000	Từ ngày 11 tháng 06 năm 2024 đến ngày 20 tháng 06 năm 2025	5,8%	Tín chấp
Công ty Cổ phần Asia Specialty Ingredients	15.000.000.000	Từ ngày 25 tháng 04 năm 2024 đến ngày 25 tháng 07 năm 2025	3,2%	Tín chấp
Công Ty Cổ Phần Hòa Chất Á Châu	150.000.000.000	Từ ngày 31 tháng 05 năm 2024 đến ngày 24 tháng 06 năm 2025	6%	Tín chấp
Công ty Cổ phần Thương mại Victa	100.000.000.000	Từ ngày 29 tháng 05 năm 2024 đến ngày 20 tháng 06 năm 2025	5,8%	Tín chấp
Công Ty CP Nguyên Liệu Thực Phẩm Á Châu Sài Gòn	165.000.000.000	Từ ngày 02 tháng 02 năm 2024 đến ngày 15 tháng 10 năm 2024	4,1%-4,6%	Tín chấp
Tổng cộng	510.000.000.000			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND Tổng cộng
Năm trước				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022	1.706.012.980.000	174.000.000.000	668.497.766.697	2.548.510.746.697
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	64.652.184.389	64.652.184.389
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-
Vào ngày 30 tháng 06 năm 2023	<u>1.706.012.980.000</u>	<u>174.000.000.000</u>	<u>733.149.951.086</u>	<u>2.613.162.931.086</u>
Năm nay				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	1.706.012.980.000	174.000.000.000	778.012.102.801	2.658.025.082.801
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	212.194.151.529	212.194.151.529
Vào ngày 30 tháng 06 năm 2024	<u>1.706.012.980.000</u>	<u>174.000.000.000</u>	<u>990.206.254.330</u>	<u>2.870.219.234.330</u>

16.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Ngày 30/06/2024	Ngày 31/12/2023
Vốn cổ phần		
Số đầu năm	1.706.012.980.000	1.706.012.980.000
Tăng trong năm	-	-
Số cuối năm	<u>1.706.012.980.000</u>	<u>1.706.012.980.000</u>
Cổ tức đã chia	-	-

16.3 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Ngày 30/06/2024	Ngày 31/12/2023
Cổ phiếu được phép phát hành	170.601.298	170.601.298
Cổ phiếu đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	170.601.298	170.601.298
Cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	170.601.298	170.601.298

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

17. DOANH THU

17.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2023
Doanh thu gộp	10.228.831.696	-
Trong đó:		
<i>Doanh thu dịch vụ</i>	10.228.831.696	-
Doanh thu thuần	10.228.831.696	-
Trong đó:		
<i>Doanh thu với bên khác</i>	75.454.548	-
<i>Doanh thu với bên liên quan (Thuyết minh 22)</i>	10.153.377.148	-

17.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2023
Lãi tiền gửi	83.566.506	939.623.897
Cổ tức, lợi nhuận được chia	232.511.590.000	76.332.896.000
Tổng cộng	232.595.156.506	77.272.519.897

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2023
Giá vốn dịch vụ cung cấp	5.376.780.109	-
Tổng cộng	5.376.780.109	-

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2023
Chi phí lãi vay bên liên quan (Thuyết minh 22)	3.060.917.808	-
Chi phí lãi vay khác	1.775.342.466	-
Tổng cộng	4.836.260.274	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2023</i>
Chi phí quản lý doanh nghiệp	20.396.813.614	12.511.807.017
Chi phí lương	11.554.396.371	7.230.943.667
Chi phí khấu hao và hao mòn	764.656.002	167.586.744
Chi phí thuê văn phòng, nhà xưởng, thuê đất	1.148.280.078	1.174.592.514
Chi phí khác	6.929.481.163	3.938.684.092
Tổng cộng	20.396.813.614	12.511.807.017

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") của Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

21.1 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của lỗ kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2024</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2023</i>
Lãi/(Lỗ) kế toán trước thuế	212.194.151.529	64.652.184.389
<i>Thuế suất là 20% áp dụng cho Công ty</i>	42.438.830.306	12.930.436.878
Chi phí không được trừ	80.474.891	55.905.153
Thu nhập không chịu thuế	(46.502.318.000)	(15.266.579.200)
Lỗ tính thuế chưa được ghi nhận thuế hoãn lại	3.983.012.803	2.280.237.169
Chi phí thuế TNDN trong kỳ	-	-

21.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

22. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2024	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2023
Công ty Cổ phần Á Châu Hoa Sơn		Vay Lãi vay Cổ tức được chia	80.000.000.000 208.164.384 10.899.500.000	-
Ông Phan Duy Hiếu	Cổ đông, Thành viên HĐQT; Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc tại công ty con	Nhận chuyển nhượng cổ phần	-	8.700.000.000
Ông Nguyễn Viết Hùng	Cổ đông, Thành viên HĐQT tại công ty con	Nhận chuyển nhượng cổ phần	239.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Hóa Chất Á Châu	Công ty con	Cổ tức thực nhận Cổ tức được chia Doanh thu cung cấp dịch vụ Vay Lãi vay	36.330.196.000 166.437.124.000 3.875.901.462 150.000.000.000 468.493.151	33.218.562.000 71.330.196.000 - - -
Công ty Cổ phần Chế Biến Dừa Á Châu	Công ty con	Mua hàng Cổ tức thực nhận Doanh thu cung cấp dịch vụ	- 27.270.000.000 772.267.116	4.145.452 - -
Công ty Cổ phần APIS	Công ty con	Mua hàng Doanh thu cung cấp dịch vụ Cổ tức được chia	37.691.104 1.580.794.184 5.002.700.000	9.836.380 - 5.002.700.000
Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn	Công ty con	Cổ tức được chia Cổ tức thực nhận Vay Lãi vay Doanh thu cung cấp dịch vụ	39.175.000.000 - 165.000.000.000 1.927.657.535 2.312.482.080	- - - - -
Công ty Cổ phần Thương mại VICTA		Giảm vốn điều lệ Vay Lãi vay Cổ tức được chia Cổ tức thực nhận Mua TSCĐ, Công cụ dụng cụ Chi phí dịch vụ thuê văn phòng, dịch vụ tòa nhà khác Doanh thu cung cấp dịch vụ	129.967.680.000 100.000.000.000 319.397.259 10.997.266.000 10.997.266.000 1.948.195.000 158.144.218 1.611.932.306	- - - - - - 1.106.678.916 -
Công ty Cổ phần Công nghệ Nông sản Á Châu	Công ty con	Góp vốn	-	46.000.000.000
Công ty Cổ phần Mekong Delta Gourmet	Công ty con	Góp vốn	83.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Asia	Công ty con	Góp vốn Vay Trả gốc vay Lãi vay	37.350.000.000 25.000.000.000 10.000.000.000 137.205.479	- - - -

VND

VND

VND

VND

VND

VND

VND

VND

VND

VND

VND

VND

VND

VND

VND

VND

VND

VND

VND

VND

VND

VND

VND

VND

VND

VND

VND

VND

VND

VND

VND

VND

VND

VND

VND

VND

VND

VND

VND

VND

VND

VND

VND

VND

VND

VND

VND

VND

VND

VND

VND

VND

VND

VND

VND

VND

VND

VND

VND

VND

VND

VND

VND

VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

22. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30/06/2024	VND Ngày 31/12/2023
Phải thu từ cung cấp dịch vụ				
Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.691.788	6.818.767.645
Công ty Cổ phần Chế Biến Dừa Á Châu	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.804.620	5.099.091.890
Công ty Cổ phần APIS	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	14.786.241	-
Công ty Cổ phần Hóa Chất Á Châu	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	74.856.414	-
Công ty Cổ phần Thương mại VICTA	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	20.481.288	-
Phải thu khác ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Hóa Chất Á Châu	Công ty con	Cổ tức phải thu	166.437.124.000	36.330.196.000
Công ty Cổ phần APIS	Công ty con	Cổ tức phải thu	5.002.700.000	-
Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn	Công ty con	Cổ tức phải thu	39.175.000.000	-
Công ty Cổ phần Chế Biến Dừa Á Châu	Công ty con	Cổ tức phải thu	-	27.270.000.000
Công ty Cổ phần Á Châu Hoa Sơn	Công ty con	Cổ tức phải thu	10.899.500.000	-
Phải trả cho người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần APIS	Công ty con	Mua hàng	4.680.201	-
Công ty Cổ phần Thương mại VICTA	Công ty con	Mua hàng	-	137.500.000.000
Vay ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu Sài Gòn	Công ty con	Vay ngắn hạn	165.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Hóa Chất Á Châu	Công ty con	Vay ngắn hạn	150.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại VICTA	Công ty con	Vay ngắn hạn	100.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Asia Specialty Ingredients	Công ty con	Vay ngắn hạn	15.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Á Châu Hoa Sơn	Công ty con	Vay ngắn hạn	80.000.000.000	-
Lãi vay ngắn hạn				
Công Ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu Sài Gòn	Công ty con	Lãi vay ngắn hạn	1.927.657.535	-
Công ty Cổ phần Hóa Chất Á Châu	Công ty con	Lãi vay ngắn hạn	468.493.151	-
Công ty Cổ phần Thương mại VICTA	Công ty con	Lãi vay ngắn hạn	319.397.259	-
Công ty Cổ phần Asia Specialty Ingredients	Công ty con	Lãi vay ngắn hạn	137.205.479	-
Công ty Cổ phần Á Châu Hoa Sơn	Công ty con	Lãi vay ngắn hạn	208.164.384	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

22. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc được trình bày như sau:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2024	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2023
Lương và lương mềm	2.764.268.750	1.274.398.000

23. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2024, các khoản tiền thuê phải trả tối thiểu trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30/06/2024	Ngày 31/12/2023
Trong vòng 01 năm	53.168.642	53.168.642
Trên 01 năm đến 05 năm	212.674.570	212.674.570
Trên 05 năm	650.282.035	676.866.356
Tổng cộng	916.125.247	942.709.568



Vũ Minh Đức
Người lập



Nguyễn Thảo
Kế toán trưởng



Phạm Trung Lâm
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 07 năm 2024